

711.980.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trên thực tế bà M phải trả cho bà H 2%/tháng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M đã cố tình trốn tránh, không thực hiện. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho bà H số tiền nợ vốn 711.980.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 1.566.356.000 đồng, tổng cộng là 2.278.336.000 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà M vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ông Phạm Tam Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 01/12/2021, cụ thể rút một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà M trả tiền nợ vốn 711.980.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 27/7/2009. Không yêu cầu bà M trả tiền lãi từ ngày 27/7/2009 đến ngày Tòa án xét xử. Ông Đ xác định khoản tiền này là của riêng bà H và bà H chỉ yêu cầu cá nhân bà M trả nợ, không liên quan đến gia đình bà M. Đồng thời, ông Đ có đơn xin thay đổi biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 01/12/2021 về việc thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời: Phong tỏa số tiền 2.278.336.000 đồng trong số tiền 8.196.093.981 đồng quy định tại khoản 10 Điều 114 và Điều 125 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 09/3/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý ngày 23/10/2020, tính đến thời điểm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì vụ án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà M trả tiền lãi từ ngày 27/7/2009 đến ngày Tòa án xét xử. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu về tiền lãi.

Đối với đơn xin thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

Đối với yêu cầu trả tiền nợ vốn: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà H tại phiên tòa, thể hiện bà M có mượn của bà H số tiền 711.980.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà

M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Bà H yêu cầu bà M trả tiền nợ gốc 711.980.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ vốn theo giấy mượn nợ đã ký nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà M hiện thực tế cư trú tại số 874 (số cũ 204) đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[1.2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chỉ cá nhân bà M vay tiền, người đại diện hợp pháp của bà H xác nhận đây là số tiền riêng của bà H, không liên quan đến gia đình bà H và bà H chỉ giao dịch với cá nhân bà M, không liên quan đến gia đình bà M nên Hội đồng xét xử xác định không có người tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét bà M đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự trong vụ án này được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự chưa được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11, trừ trường hợp các bên của giao dịch dân sự có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức của giao dịch để phù hợp với Bộ luật này và để áp dụng quy

định của Bộ luật này. Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11”. Do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này.

[2.2] Xét giấy vay nợ ghi ngày 27/7/2009 giữa bà H và bà M thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 121, Điều 122 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.3] Xét bà H yêu cầu bà M trả số tiền nợ vốn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà H cho bà M vay tiền từ nhiều năm trước với nhiều lần vay khác nhau và số tiền cũng khác nhau. Tuy nhiên để thống nhất số tiền đã vay, ngày 27/7/2009 bà M lập giấy vay nợ xác nhận tổng số nợ cộng dồn từ các giấy nợ cũ là 711.980.000 đồng và để làm tin bà M đã giao bản chính quyết định số 978/QĐ-UB ngày 17/3/1989 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc hợp thức hóa nhà tự xây cất, di chúc và hợp đồng tặng cho nhà số 1225/HĐ-TCN ngày 14/2/2000 được lập tại Phòng Công chứng Nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc tại địa chỉ 204 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông tin của bà M tại giấy vay nợ như số chứng minh nhân dân, ngày cấp phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà bà H cung cấp. Theo nội dung giấy vay nợ ngày 27/7/2009 thì không quy định về thời hạn trả và người đại diện hợp pháp của bà H cũng thừa nhận bà H cho bà M không quy định về thời hạn. Tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác”. Ngày 11/8/2020, ông Phạm Tam Đ là người đại diện hợp pháp của bà H có gửi thông báo yêu cầu bà M trả nợ vào ngày 18/8/2020. Do trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bà M và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp để chứng minh việc bà M hiện còn nợ bà H số tiền 711.980.000 đồng là có cơ sở.

[2.3] Xét tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà M trả tiền lãi trên số tiền nợ vốn 711.980.000 đồng từ ngày 27/7/2009 đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà H.

[2.4] Xét về thời hạn trả nợ: Bà M mượn tiền của bà H đã lâu, bà M đã được bà H thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà M cố tình trốn tránh không thực hiện, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, thời gian mượn đã lâu nên bà H yêu cầu bà M trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Ngày 09/3/2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản tại nơi gửi giữ đối với số tiền 2.278.336.000 đồng trong số tiền 8.196.093.981 đồng là tiền bồi thường hỗ trợ của căn nhà số 874 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại tài khoản tạm giữ của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình tại Kho bạc Nhà nước quận Tân Bình. Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà H có đơn xin thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa số tiền 711.980.000 đồng trong số tiền 8.196.093.981 đồng là tiền bồi thường hỗ trợ của căn nhà số 874 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại tài khoản tạm giữ của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình tại Kho bạc Nhà nước quận Tân Bình. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử cần thay đổi về số tiền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng việc ban hành quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/12/2021 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản tại nơi gửi giữ đối với số tiền 711.980.000 đồng trong số tiền 8.196.093.981 đồng là tiền bồi thường hỗ trợ của căn nhà số 874 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại tài khoản tạm giữ của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình tại Kho bạc Nhà nước quận Tân Bình để thay thế quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 09/3/2021.

[2.6] Ngày 08/3/2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành quyết định số 03/2021/QĐ-BPBD ngày 08/3/2021 buộc thực hiện biện pháp bảo đảm về việc phong tỏa số tiền 500.000.000 đồng trong tài khoản tiết kiệm của bà Phạm Anh H tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, địa chỉ: 415B đường U, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo: Sổ tiết kiệm mã số QT 15143823, số tài khoản: 605704010025714/15143823, số tiền 200.000.000 đồng và Sổ tiết kiệm mã số QT 15143824, số tài khoản: 605704010025729/15143824, số tiền 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì quyết định nêu trên.

[2.7] Người đại diện hợp pháp của bà H xác nhận hiện bà H đang giữ bản chính quyết định v/v hợp thức hóa nhà tự xây cất số 978/QĐ-UB ngày 17/3/1989 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cho ông Phạm Ngọc T; Di chúc ngày tháng năm 1998 của ông Phạm Ngọc T, bà Vũ Thị S để lại cho bà Phạm Thị M và hợp đồng tặng cho nhà số 1225/HĐ-TCN ngày 14/2/2020 giữa bà Vũ Thị S và bà Phạm Thị M đối với nhà đất tại địa chỉ 204 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai 2013 quy định hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có quyền: “Thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật”. Tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 quy định: “Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất,

góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Do đó, việc bà H giữ bản chính các giấy tờ nêu trên của bà M là không đúng quy định pháp luật, làm hạn chế quyền của người sử dụng đất nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà M bản chính các giấy tờ nêu trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí. Bà M phải chịu án phí trên yêu cầu của bà H được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 121, 122, 124, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Anh H.

Buộc bà Phạm Thị M trả cho bà Phạm Anh H số tiền 711.980.000 (Bảy trăm mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Anh H về việc không yêu cầu bà Phạm Thị M trả tiền lãi.

3. Tiếp tục duy trì quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

4. Tiếp tục duy trì quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2021/QĐ-BPBD ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

5. Bà Phạm Anh H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị M:

- 01 (Một) bản chính quyết định số 978/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 1989 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình v/v hợp thức hóa nhà tự xây cất cho ông Phạm Ngọc T đối với nhà đất tại địa chỉ 204 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 (Một) bản chính Di chúc ngày tháng năm 1998 của ông Phạm Ngọc T, bà Vũ Thị S do Ủy ban nhân Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 01 tháng 10 năm 1998 ghi vào sổ lưu số: 01, trang số: 5, số thứ tự: 37 đối với nhà đất tại địa chỉ 204 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 (Một) bản chính hợp đồng tặng cho nhà số 1225/HĐ-TCN ngày 14 tháng 12 năm 2000 giữa bà Vũ Thị S và bà Phạm Thị M do Phòng Công chứng nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh chứng thực số: 11920, quyển: 01, 2T; 3B; 3TR ngày 14 tháng 12 năm 2000 đối với nhà đất tại địa chỉ 204 đường C, Phường Q, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Anh H được nhận lại số tiền 38.783.360 (Ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi) đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0068418 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 32.479.200 (Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Phạm Anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu